

THÔNG TƯ

CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM SỐ 06/2005/TT-NHNN NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 2005 HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 16/2001/NĐ-CP NGÀY 2/5/2001 CỦA CHÍNH PHỦ "VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH" VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 65/2005/NĐ-CP NGÀY 19/05/2005 CỦA CHÍNH PHỦ "QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 16/2001/NĐ-CP NGÀY 2/5/2001 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH"

Căn cứ Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ "Về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính" và Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/05/2005 của Chính phủ "Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính", Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) hướng dẫn thực hiện một số nội dung được quy định tại các Nghị định này như sau:

Mục I CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

1. Giải thích từ ngữ: Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - 1.1. Bên thuê: Là các tổ chức hoạt động tại Việt Nam, cá nhân sinh sống, làm việc tại Việt Nam, trực tiếp sử dụng tài sản thuê cho mục đích hoạt động của mình, bao gồm:
 - a) Cá nhân, hộ gia đình;
 - b) Doanh nghiệp;
 - c) Các tổ chức khác thuộc đối tượng được vay vốn của các tổ chức tín dụng.
 - 1.2. Tổ chức tín dụng nước ngoài: Là ngân hàng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính nước ngoài hoặc tổ chức tài chính quốc tế được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoặc quốc tế, tham gia góp vốn vào Công ty cho thuê tài chính liên doanh, Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam.
 - 1.3. Vốn pháp định: Là mức vốn điều lệ tối thiểu phải có theo quy định của Chính phủ để thành lập Công ty cho thuê tài chính.
 - 1.4. Vốn điều lệ: Là số vốn do Nhà nước, tổ chức tín dụng có Công ty cho thuê tài chính trực thuộc, tổ chức tín dụng nước ngoài cấp hoặc do các tổ chức, cá nhân góp hoặc mua cổ phần và được ghi vào điều lệ của Công ty cho thuê tài chính.
 - 1.5. Thành viên sáng lập: Là các tổ chức, cá nhân tham gia thông qua điều lệ đầu tiên của Công ty cho thuê tài chính.
2. Các loại hình Công ty cho thuê tài chính:
 - 2.1. Công ty cho thuê tài chính Nhà nước: Là công ty cho thuê tài chính do Nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh. Việc cấp giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính Nhà nước được thực hiện theo hướng dẫn riêng của Ngân hàng Nhà nước .
 - 2.2. Công ty cho thuê tài chính cổ phần: Là công ty cho thuê tài chính được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần, trong đó các tổ chức, cá nhân cùng góp vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

2.3. Công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng (sau đây gọi tắt là Công ty cho thuê tài chính trực thuộc): Là công ty cho thuê tài chính có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, do một tổ chức tín dụng (tổ chức tín dụng chủ sở hữu) thành lập bằng vốn tự có của mình.

2.4. Công ty cho thuê tài chính liên doanh: Là công ty cho thuê tài chính được thành lập bằng vốn góp giữa bên Việt Nam gồm một hoặc nhiều tổ chức tín dụng, doanh nghiệp Việt Nam và bên nước ngoài gồm một hoặc nhiều tổ chức tín dụng nước ngoài, trên cơ sở hợp đồng liên doanh. Bên Việt Nam phải có ít nhất một tổ chức tín dụng Việt Nam là thành viên của Công ty cho thuê tài chính liên doanh.

2.5. Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài: Là công ty cho thuê tài chính được thành lập bằng vốn góp của một hoặc nhiều tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Thời hạn hoạt động của Công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam tối đa là 50 (năm mươi) năm. Trường hợp cần gia hạn thời gian hoạt động phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Mỗi lần gia hạn không quá 50 (năm mươi) năm.

Đối với những Công ty cho thuê tài chính đã được thành lập và cấp giấy phép hoạt động trước ngày Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/05/2001 của Chính phủ có hiệu lực, thời hạn hoạt động được áp dụng như quy định trong Giấy phép hoạt động đã cấp.

4. Hình thức góp vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Công ty cho thuê tài chính được đóng góp dưới những hình thức sau:

4.1. Bằng tiền:

a) Đối với Công ty cho thuê tài chính Nhà nước, Công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng và Công ty cho thuê tài chính cổ phần, vốn điều lệ được góp bằng Đồng Việt Nam.

b) Đối với Công ty cho thuê tài chính liên doanh và Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài: Các bên nước ngoài trong Công ty được góp vốn điều lệ bằng ngoại tệ hoặc bằng Đồng Việt Nam có nguồn gốc từ đầu tư hợp pháp tại Việt Nam. Các bên Việt Nam tham gia vào Công ty cho thuê tài chính liên doanh có thể góp vốn bằng Đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ. Trường hợp các bên góp vốn bằng Đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ không phải Đôla Mỹ, số tiền góp vốn điều lệ phải được quy đổi ra Đôla Mỹ theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm góp vốn.

4.2. Bằng tài sản khác: Phải là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đất hợp pháp của bên góp vốn và là tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Công ty cho thuê tài chính (không bao gồm các tài sản dùng để cho thuê). Việc định giá và chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất và tỷ lệ góp vốn bằng tài sản được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

5. Tỷ lệ góp vốn điều lệ, chuyển nhượng phần vốn góp, phân chia lợi nhuận và chịu rủi ro của Công ty cho thuê tài chính liên doanh và Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài:

5.1. Tỷ lệ góp vốn điều lệ: Tỷ lệ góp vốn điều lệ của bên nước ngoài và bên Việt Nam trong Công ty cho thuê tài chính liên doanh do các bên thỏa thuận và được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Phần vốn góp của bên nước ngoài không được ít hơn 30% vốn điều lệ của Công ty.

5.2. Chuyển nhượng phần vốn góp:

a) Bên Việt Nam và Bên nước ngoài trong Công ty cho thuê tài chính liên doanh được quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình nhưng phải đảm bảo tỷ lệ góp vốn điều lệ theo quy định tại điểm 5.1 Thông tư này và phải ưu tiên chuyển nhượng cho các bên trong liên doanh. Trong trường hợp chuyển nhượng cho tổ chức khác thì điều kiện chuyển nhượng không được thuận lợi hơn trường hợp chuyển nhượng cho các bên trong liên doanh. Việc chuyển nhượng vốn phải được các bên trong công ty cho thuê tài chính liên doanh thỏa thuận.

b) Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài có quyền chuyển nhượng vốn của mình sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

c) Trường hợp việc chuyển nhượng vốn của Công ty cho thuê tài chính liên doanh và Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài làm thay đổi loại hình công ty cho thuê tài chính, Công ty phải thực hiện điều chỉnh phù hợp với loại hình công ty đã được quy định.

d) Trường hợp chuyển nhượng vốn của Công ty cho thuê tài chính có phát sinh lợi nhuận thì bên chuyển nhượng phải nộp thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5.3. Phân chia lợi nhuận và chia sẻ rủi ro: Các bên tham gia trong Công ty cho thuê tài chính liên doanh phân chia lợi nhuận và chịu rủi ro trong Công ty theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác được quy định trong hợp đồng liên doanh và phù hợp với luật pháp Việt Nam.

Mục II

QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH

6. Điều kiện để được cấp giấy phép thành lập và hoạt động đối với Công ty cho thuê tài chính (sau đây gọi tắt là giấy phép):

6.1. Điều kiện chung:

- a) Có nhu cầu hoạt động cho thuê tài chính trên địa bàn xin hoạt động;
- b) Có đủ vốn pháp định theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c) Thành viên sáng lập là các tổ chức, cá nhân có uy tín và năng lực tài chính;
- d) Người quản trị, điều hành có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và trình độ chuyên môn phù hợp với hoạt động của Công ty cho thuê tài chính và quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- e) Có dự thảo điều lệ về tổ chức và hoạt động phù hợp với Luật các Tổ chức tín dụng, Nghị định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính và các quy định khác của pháp luật;
- g) Có phương án kinh doanh khả thi;
- h) Tổ chức tín dụng chủ sở hữu có thời gian hoạt động ít nhất là 03 (ba) năm.

6.2. Đối với Công ty cho thuê tài chính liên doanh và Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài, ngoài các quy định nêu tại điểm 6.1 nêu trên, bên nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép thực hiện hoạt động ngân hàng hoặc hoạt động cho thuê tài chính;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép hoạt động tại Việt Nam.

7. Hồ sơ cấp giấy phép:

7.1. Đơn xin cấp giấy phép:

- a) Đối với Công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng: Đơn xin cấp giấy phép do Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng chủ sở hữu hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng chủ sở hữu uỷ quyền ký (phụ lục 1a).
- b) Đối với Công ty cho thuê tài chính cổ phần: Đơn xin cấp giấy phép do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền ký (phụ lục 1b).

c) Đối với Công ty cho thuê tài chính liên doanh, Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài: Đơn xin cấp giấy phép do người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền của các bên góp vốn ký (phụ lục 1c).

7.2. Dự thảo điều lệ: Điều lệ của Công ty cho thuê tài chính phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên và nơi đặt trụ sở chính của Công ty cho thuê tài chính;
- b) Nội dung và phạm vi hoạt động;
- c) Thời hạn hoạt động;
- d) Vốn điều lệ và phương thức góp vốn;
- e) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát;
- g) Thể thức bầu, bổ nhiệm và miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát;
- h) Đại diện pháp nhân của Công ty cho thuê tài chính;
- i) Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông (trường hợp đối với Công ty cho thuê tài chính cổ phần);
- k) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ;
- l) Các trường hợp giải thể và thủ tục giải thể;
- m) Thủ tục sửa đổi điều lệ.

7.3. Phương án hoạt động trong 03 (ba) năm đầu, trong đó nêu rõ nội dung, phương thức hoạt động, địa bàn hoạt động, hiệu quả và lợi ích kinh tế;

7.4. Danh sách, lý lịch, văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn của thành viên sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của Công ty cho thuê tài chính (đối với các cá nhân là người Việt Nam, lý lịch khai theo mẫu phụ lục 2; đối với các cá nhân là người nước ngoài, lý lịch được lập theo quy định của nước nguyên xứ hoặc nước mà người đó mang quốc tịch);

7.5. Phương án góp vốn điều lệ, danh sách và cam kết về mức góp vốn điều lệ của các bên góp vốn;

7.6. Tình hình tài chính và các thông tin có liên quan về các cổ đông lớn (trường hợp đối với Công ty cho thuê tài chính cổ phần);

7.7. Chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về nơi đặt trụ sở chính Công ty cho thuê tài chính.

8. Đối với Công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng, ngoài các hồ sơ theo quy định tại khoản 7 Mục II Thông tư này, hồ sơ xin cấp giấy phép còn bao gồm:

8.1. Văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng chủ sở hữu hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng chủ sở hữu uỷ quyền ký về nguồn vốn và mức vốn điều lệ cấp cho Công ty cho thuê tài chính.

8.2. Các hồ sơ liên quan đến tổ chức tín dụng là chủ sở hữu, bao gồm:

- a) Quyết định thành lập hoặc giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ khi thành lập và qua các lần sửa đổi, bổ sung;
- b) Điều lệ hiện hành;
- c) Bảng cân đối tài chính, bảng kết quả lãi, lỗ đã được kiểm toán và báo cáo tình hình hoạt động 03 (ba) năm gần nhất.

9. Đối với Công ty cho thuê tài chính liên doanh, Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài, ngoài các hồ sơ theo quy định tại khoản 7 Mục II Thông tư này, hồ sơ xin cấp giấy phép còn bao gồm:

9.1. Điều lệ của các bên góp vốn;

9.2. Giấy phép kinh doanh của các bên góp vốn;

9.3. Văn bản của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cho phép bên nước ngoài hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cho thuê tài chính liên doanh hoặc Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài. Trường hợp quy định của pháp luật nước nguyên xứ không yêu cầu có văn bản này thì phải có bằng chứng xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;

9.4. Bảng cân đối tài chính, bảng kết quả lãi, lỗ đã được kiểm toán và báo cáo tình hình hoạt động 03 (ba) năm gần nhất của các bên góp vốn;

9.5. Dự thảo hợp đồng liên doanh đối với Công ty cho thuê tài chính liên doanh. Dự thảo hợp đồng liên doanh phải đảm bảo các nội dung chính sau đây:

a) Tên, địa chỉ của Công ty cho thuê tài chính liên doanh;

b) Tên, địa chỉ, đại diện của các bên tham gia liên doanh;

c) Thời hạn hoạt động liên doanh;

d) Vốn điều lệ: Tỷ lệ góp vốn, mức vốn góp của mỗi bên. Phương án góp vốn; trong đó ghi rõ số vốn bằng ngoại tệ, bằng đồng Việt Nam, bằng tài sản khác (nếu có);

e) Quyền và nghĩa vụ của các bên;

g) Số lượng và tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc của các bên trong liên doanh;

h) Các nguyên tắc về hạch toán, kế toán, báo cáo, lập và sử dụng các quỹ; việc phân chia lãi, lỗ cho các bên tham gia liên doanh;

i) Thủ tục giải quyết những tranh chấp giữa các bên phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng liên doanh, thủ tục thanh lý giải thể, hợp nhất của Công ty cho thuê tài chính liên doanh;

k) Các điều kiện để sửa đổi, bổ sung hợp đồng liên doanh.

10. Trình tự, thủ tục nộp hồ sơ xin cấp giấy phép:

10.1. Đối với Công ty cho thuê tài chính cổ phần: Hồ sơ xin cấp giấy phép được lập thành 03 (ba) bộ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Công ty đặt trụ sở chính.

10.2. Đối với Công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng: Hồ sơ xin cấp giấy phép được lập thành 02 (hai) bộ gửi Ngân hàng Nhà nước.

10.3. Đối với Công ty cho thuê tài chính liên doanh và Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài: Hồ sơ xin cấp giấy phép được lập thành 02 bộ (một bộ bằng tiếng Việt và một bộ bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp) gửi Ngân hàng Nhà nước.

10.4. Các tài liệu trong hồ sơ nêu tại điểm 10.1, 10.2 nêu trên phải là bản chính, trường hợp là bản sao phải được công chứng hoặc có xác nhận của cơ quan đã cấp bản chính.

10.5. Đối với hồ sơ nêu tại điểm 10.3 nêu trên: Bộ hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải là bản chính hoặc bản sao có xác nhận của cơ quan thẩm quyền. Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được cơ quan công chứng Việt Nam hoặc cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài xác nhận. Các bản dịch từ tiếng Việt ra tiếng nước ngoài phải được cơ quan công chứng Việt Nam hoặc tổ chức phát hành văn bản đó xác nhận. Các văn bản phải được hợp pháp hoá lãnh sự bao gồm:

a) Điều lệ hoạt động của tổ chức ở nước ngoài;

b) Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng hoặc hoạt động cho thuê tài chính;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho phép bên nước ngoài hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cho thuê tài chính liên doanh hoặc Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài.

10.6. Thời hạn xem xét cấp giấy phép:

a) Đối với công ty cho thuê tài chính cổ phần:

- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ xin cấp giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, thẩm định và có công văn kèm 2 (hai) bộ hồ sơ trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ xin cấp giấy phép do Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp hoặc từ chối cấp giấy phép. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời nêu rõ lý do từ chối.

b) Đối với các Công ty cho thuê tài chính khác:

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ xin cấp giấy phép, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp hoặc từ chối cấp giấy phép. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời nêu rõ lý do từ chối.

10.7. Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp:

a) Giấy phép đối với Công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng và Công ty cho thuê tài chính cổ phần (quy định tại phụ lục 3a).

b) Giấy phép đối với Công ty cho thuê tài chính liên doanh và Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài (quy định tại phụ lục 3b).

11. Lệ phí cấp giấy phép:

11.1. Mức lệ phí mỗi lần cấp giấy phép (hoặc gia hạn giấy phép) đối với Công ty cho thuê tài chính thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

11.2. Khoản lệ phí quy định tại điểm 11.1 nêu trên không được khấu trừ vào vốn điều lệ của Công ty cho thuê tài chính và không được hoàn lại trong bất kỳ trường hợp nào.

11.3. Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được cấp giấy phép, Công ty cho thuê tài chính được cấp giấy phép phải nộp lệ phí tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước; Đối với Công ty cho thuê tài chính cổ phần, phải nộp lệ phí tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Công ty đặt trụ sở chính.

12. Khai trương hoạt động:

12.1. Để khai trương hoạt động, Công ty cho thuê tài chính đã được cấp giấy phép phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có điều lệ được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y;

b) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Có đủ vốn điều lệ đã đăng ký:

- Vốn điều lệ góp bằng tiền phải chuyển toàn bộ vào tài khoản phong toả không được hưởng lãi mở tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Công ty đặt trụ sở chính (trường hợp đối với Công ty cho thuê tài chính cổ phần) và được Ngân hàng Nhà nước nơi giữ tài khoản phong toả xác nhận bằng văn bản. Sau khi khai trương hoạt động, Công ty cho thuê tài chính được giải toả số tiền từ tài khoản phong toả tại Ngân hàng Nhà nước.

- Đối với phần vốn điều lệ được góp dưới hình thức tài sản khác phải có hồ sơ pháp lý xác nhận việc chuyển giao quyền sở hữu tài sản góp vốn cho Công ty cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam.

d) Hoàn tất hồ sơ pháp lý về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng trụ sở chính của Công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam;

e) Tối thiểu 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai trương hoạt động, Công ty cho thuê tài chính phải gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng phi ngân hàng) bản chính hoặc bản sao có công chứng các văn bản sau:

- Chứng từ xác nhận việc nộp vốn điều lệ bằng tiền vào tài khoản phong toả;
- Chứng từ nộp lệ phí cấp giấy phép;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Hồ sơ pháp lý về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng trụ sở chính;

g) Đăng báo trung ương và báo địa phương bằng tiếng Việt (nơi Công ty đặt trụ sở chính) 05 số liên tiếp, thông báo các nội dung chủ yếu sau:

- Tên đầy đủ và viết tắt của Công ty cho thuê tài chính;
- Địa chỉ trụ sở chính; Số điện thoại; Fax?
- Vốn điều lệ;
- Nội dung, phạm vi, địa bàn và thời gian hoạt động;
- Số và ngày của giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp; Số và ngày giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tên cơ quan cấp;
- Họ tên, quốc tịch của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành;
- Ngày khai trương hoạt động theo dự kiến;
- Các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

12.2. Sau thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép, nếu Công ty cho thuê tài chính không khai trương hoạt động thì giấy phép được cấp sẽ đương nhiên hết hiệu lực. Ngân hàng Nhà nước sẽ tiến hành thu hồi giấy phép đã cấp và làm thủ tục hoàn lại vốn tại tài khoản phong toả (nếu có) sau khi trừ đi các khoản thủ tục phí theo quy định.

13. Thu hồi giấy phép:

13.1. Công ty cho thuê tài chính được cấp giấy phép có thể bị thu hồi giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật các Tổ chức tín dụng.

13.2. Thủ tục, hồ sơ thu hồi giấy phép của Công ty cho thuê tài chính được thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

13.3. Sau khi bị thu hồi giấy phép, Công ty cho thuê tài chính phải chấm dứt ngay mọi hoạt động đã ghi trong giấy phép.

13.4. Ngân hàng Nhà nước công bố quyết định thu hồi giấy phép Công ty cho thuê tài chính trên báo địa phương nơi Công ty đặt trụ sở chính và báo hàng ngày của Trung ương trong 3 số liên tiếp bằng tiếng Việt.

14. Những thay đổi của Công ty cho thuê tài chính phải được chấp thuận:

14.1. Công ty cho thuê tài chính phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi một trong những điểm sau đây:

- a) Tên của Công ty cho thuê tài chính;
- b) Mức vốn điều lệ;

- c) Địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện;
- d) Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;
- e) Chuyển nhượng phần vốn góp của các bên trong Công ty cho thuê tài chính liên doanh;
- g) Tổng số tiền chuyển nhượng cổ phần có ghi tên kể từ lần chuyển nhượng đầu tiên vượt quá 20% vốn điều lệ của Công ty cho thuê tài chính cổ phần;
- h) Tỷ lệ cổ phần của các cổ đông lớn trong Công ty cho thuê tài chính cổ phần;
- i) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và thành viên Ban kiểm soát.

14.2. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thay đổi:

14.2.1. Hồ sơ thay đổi tên của Công ty cho thuê tài chính:

- a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cho thuê tài chính đề nghị sửa đổi tên của Công ty cho thuê tài chính. Tờ trình phải nêu rõ lý do và sự cần thiết thay đổi tên;
- b) Trích biên bản và Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cho thuê tài chính về việc thay đổi tên của Công ty cho thuê tài chính;
- c) Văn bản chấp thuận của tổ chức tín dụng có Công ty cho thuê tài chính trực thuộc; của các bên góp vốn trong Công ty cho thuê tài chính liên doanh; của các bên nước ngoài trong Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài về việc đổi tên của Công ty cho thuê tài chính;
- d) Trích biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đối với Công ty cho thuê tài chính cổ phần về việc thay đổi tên.

14.2.2. Hồ sơ thay đổi mức vốn điều lệ:

- a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cho thuê tài chính đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ, trong đó nêu rõ sự cần thiết, lý do thay đổi mức vốn điều lệ và biện pháp giải quyết những tồn tại (nếu có) trước khi thay đổi;
- b) Trích biên bản và nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cho thuê tài chính về việc thay đổi mức vốn điều lệ của Công ty cho thuê tài chính;
- c) Văn bản chấp thuận của Tổ chức tín dụng có Công ty cho thuê tài chính trực thuộc; của các bên góp vốn trong Công ty cho thuê tài chính liên doanh; của các bên nước ngoài trong Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài về việc thay đổi mức vốn điều lệ của Công ty cho thuê tài chính;
- d) Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đến thời điểm cuối quý gần nhất của Công ty cho thuê tài chính;
- e) Ngoài những hồ sơ nêu trên, Công ty cho thuê tài chính cổ phần phải gửi Ngân hàng Nhà nước các văn bản sau:
 - Trích biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi mức vốn điều lệ;
 - Phương án thay đổi mức vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Danh sách và tỷ lệ vốn cổ phần của các cổ đông trước và sau khi Công ty cho thuê tài chính thay đổi vốn điều lệ;
 - Đơn xin mua, bán cổ phần của các cổ đông lớn.

14.2.3. Hồ sơ thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện:

- a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cho thuê tài chính đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, trong đó nêu rõ lý do di chuyển địa điểm, tình hình an toàn kho quỹ tại địa điểm mới;
- b) Trích nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cho thuê tài chính về việc thay đổi nơi đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện;

c) Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tại địa điểm mới chấp thuận cho Công ty cho thuê tài chính được đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện;

d) Văn bản xác nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp nơi đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện mới;

e) Ý kiến của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Công ty cho thuê tài chính đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa điểm mới.

14.2.4. Hồ sơ thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động:

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cho thuê tài chính đề nghị thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động, trong đó nêu rõ lý do thay đổi, sự cần thiết thay đổi;

b) Trích biên bản và Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cho thuê tài chính về việc thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;

c) Văn bản chấp thuận của tổ chức tín dụng chủ sở hữu có Công ty cho thuê tài chính trực thuộc; của các bên góp vốn trong Công ty cho thuê tài chính liên doanh; của các bên nước ngoài trong Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài về việc thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;

d) Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đến thời điểm cuối quý gần nhất của Công ty cho thuê tài chính;

e) Trích biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đối với Công ty cho thuê tài chính cổ phần.

14.2.5. Hồ sơ chuyển nhượng phần vốn góp của các bên trong Công ty cho thuê tài chính liên doanh:

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cho thuê tài chính liên doanh đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc chuyển nhượng, trong đó nêu rõ lý do chuyển nhượng;

b) Trích biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty cho thuê tài chính liên doanh nhất trí về việc chuyển nhượng vốn;

c) Văn bản của Bên chuyển nhượng gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình trong Công ty cho thuê tài chính liên doanh, kèm dự thảo hợp đồng chuyển nhượng;

d) Văn bản của Bên nhận chuyển nhượng về việc nhận chuyển nhượng vốn góp và đề nghị Ngân hàng Nhà nước cho phép mua lại một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp trong Công ty cho thuê tài chính liên doanh của Bên chuyển nhượng;

e) Trường hợp Bên nhận chuyển nhượng không phải là các bên trong liên doanh thì tổ chức này phải bổ sung thêm các văn bản được quy định tại khoản 9 Mục II Thông tư này.

14.2.6. Hồ sơ chuyển nhượng cổ phần có ghi tên vượt tỷ lệ 20%, thay đổi tỷ lệ cổ phần của các cổ đông lớn trong Công ty cho thuê tài chính cổ phần:

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị đề nghị việc chuyển nhượng cổ phần có ghi tên vượt tỷ lệ 20% hoặc thay đổi tỷ lệ cổ phần của các cổ đông lớn;

b) Đơn chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông (đối với cổ đông pháp nhân, đơn đề nghị chuyển nhượng cổ phần phải do người đại diện hợp pháp của pháp nhân ký tên và đóng dấu);

c) Đơn đề nghị mua cổ phần của các cổ đông (đối với cổ đông pháp nhân, đơn mua cổ phần phải do người đại diện hợp pháp của pháp nhân ký tên và đóng dấu), trong đó cam kết về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần, chấp nhận thực trạng tài chính, điều lệ của Công ty cho thuê tài chính cổ phần và đảm bảo tuân thủ các quy định của luật pháp hiện hành liên quan đến việc góp vốn, mua cổ phần;

d) Hồ sơ các cổ đông chuyển nhượng cổ phần có ghi tên dưới 20% vốn điều lệ;

e) Các văn bản khác có liên quan đến việc thay đổi, chuyển nhượng cổ phần.

14.2.7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục về việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc (Giám đốc): Được thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

14.3. Trình tự, thủ tục xin chấp thuận những thay đổi của Công ty cho thuê tài chính:

14.3.1. Đối với Công ty cho thuê tài chính cổ phần:

a) Các thay đổi tại các điểm 14.2.2, 14.2.3 và 14.2.6 của Thông tư này, hồ sơ được lập thành 02 (hai) bộ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Công ty cho thuê tài chính đặt trụ sở chính. Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố sẽ xem xét, chấp thuận những thay đổi nêu trên của Công ty cho thuê tài chính. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Công ty cho thuê tài chính đặt trụ sở chính có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Sau khi chấp thuận hoặc không chấp thuận các thay đổi nêu trên, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Công ty cho thuê tài chính cổ phần đặt trụ sở chính có văn bản báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

b) Đối với các thay đổi tại các điểm 14.2.1, 14.2.4 của Thông tư này, hồ sơ được lập thành 03 (ba) bộ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Công ty cho thuê tài chính đặt trụ sở chính. Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải có ý kiến bằng văn bản gửi về Ngân hàng Nhà nước (Vụ Các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng phi ngân hàng) kèm 02 (hai) bộ hồ sơ của Công ty cho thuê tài chính.

14.3.2. Đối với các Công ty cho thuê tài chính khác:

Hồ sơ được lập thành 02 (hai) bộ gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng phi ngân hàng).

14.3.3. Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét, chấp thuận những thay đổi của Công ty cho thuê tài chính. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước sẽ có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

14.3.4. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, Công ty cho thuê tài chính phải đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thay đổi quy định tại điểm 14.2.1, 14.2.2, 14.2.3, 14.2.4 và phải đăng báo trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật.

14.3.5. Công ty cho thuê tài chính phải gửi văn bản đăng ký các thay đổi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao có công chứng) và các tài liệu khác có liên quan cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng phi ngân hàng). Đối với Công ty cho thuê tài chính cổ phần phải gửi thêm 01 (một) bộ các văn bản nêu trên tới Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Công ty cho thuê tài chính cổ phần đặt trụ sở chính.

15. Những thay đổi phải được thông báo: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có các thay đổi dưới đây, Công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng, Công ty cho thuê tài chính liên doanh, Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài phải có văn bản thông báo cho Ngân hàng Nhà nước:

15.1. Thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành của các bên góp vốn;

15.2. Thay đổi tên và địa chỉ của các bên góp vốn;

15.3. Các bên góp vốn chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản.

Mục III
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY
CHO THUÊ TÀI CHÍNH

16. Cơ cấu tổ chức của Công ty cho thuê tài chính:

16.1. Chi nhánh, văn phòng đại diện:

a) Công ty cho thuê tài chính được phép mở, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện tại các địa bàn trong nước, ngoài nước nơi có nhu cầu hoạt động, sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

b) Điều kiện, hồ sơ, thủ tục mở, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty cho thuê tài chính được áp dụng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc mở và chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các quy định của pháp luật hiện hành.

16.2. Công ty trực thuộc:

a) Công ty cho thuê tài chính được thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để hoạt động trên một số lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và quản lý, khai thác, bán tài sản trong quá trình xử lý tài sản đảm bảo tiền vay và tài sản mà Nhà nước giao cho các Công ty cho thuê tài chính xử lý thu hồi nợ.

b) Việc thành lập công ty trực thuộc Công ty cho thuê tài chính được thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

16.3. Bộ máy giúp việc tại trụ sở chính, chi nhánh Công ty cho thuê tài chính bao gồm: văn phòng, các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ, phòng giao dịch.

17. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, mua lại, giải thể: Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, mua lại, giải thể Công ty cho thuê tài chính phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản và thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

18. Quản trị, điều hành và kiểm soát:

18.1. Công ty cho thuê tài chính phải có Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc (Giám đốc).

Đối với các Công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng hiện chưa có Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát riêng, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng chủ sở hữu phải cử các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cho thuê tài chính theo đúng quy định và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y.

18.2. Việc bầu, bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của Công ty cho thuê tài chính được thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các quy định của pháp luật hiện hành.

18.3. Chủ tịch và các thành viên trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của Công ty cho thuê tài chính phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y trước khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

18.4. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty cho thuê tài chính được thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các quy định của pháp luật hiện hành.

Mục IV
HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH

19. Nội dung và phạm vi hoạt động:

19.1. Công ty cho thuê tài chính được phép huy động vốn từ các nguồn sau:

- a) Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở lên của tổ chức, cá nhân.
- b) Vay vốn ngắn, trung và dài hạn của tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.
- c) Phát hành các loại giấy tờ có giá:

- Công ty cho thuê tài chính được phép phát hành các loại giấy tờ có giá (kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu,?) có thời hạn trên 01 năm để huy động vốn của tổ chức và cá nhân trong nước theo đúng quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc phát hành giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng để huy động vốn trong nước.

- Công ty cho thuê tài chính được phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác có thời hạn trên 01 năm để huy động vốn của tổ chức và cá nhân nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

- d) Tiếp nhận các nguồn vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

19.2. Công ty cho thuê tài chính được thực hiện các nghiệp vụ sau theo quy định của Ngân hàng Nhà nước:

- a) Cho thuê tài chính;
- b) Tư vấn cho khách hàng về những vấn đề có liên quan đến nghiệp vụ cho thuê tài chính;

c) Dịch vụ uỷ thác: Công ty cho thuê tài chính cho khách hàng thuê theo chỉ định của bên uỷ thác và được hưởng phí uỷ thác cho thuê. Mọi rủi ro trong quá trình uỷ thác cho thuê do bên uỷ thác chịu. Công ty cho thuê tài chính được thực hiện các dịch vụ uỷ thác sau:

- Nhận uỷ thác bằng máy móc, thiết bị để cho thuê tài chính đối với khách hàng.

- Nhận uỷ thác bằng tiền từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để nhập máy móc, thiết bị cho thuê tài chính đối với khách hàng.

- Các dịch vụ uỷ thác khác liên quan đến hoạt động cho thuê tài chính.

- d) Thực hiện các dịch vụ quản lý tài sản liên quan cho thuê tài chính, cụ thể:

- Làm dịch vụ quản lý tài sản cho thuê tài chính của các Công ty cho thuê tài chính khác.

- Các dịch vụ quản lý tài sản khác liên quan đến hoạt động cho thuê tài chính.

e) Thực hiện các dịch vụ bảo lãnh liên quan đến cho thuê tài chính theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;

- g) Cho thuê vận hành;

h) Mua và cho thuê lại theo hình thức cho thuê tài chính;

i) Bán các khoản phải thu từ hợp đồng cho thuê tài chính cho các tổ chức, cá nhân.

19.3. Công ty cho thuê tài chính được thực hiện các nghiệp vụ khác khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

19.4. Hoạt động ngoại hối:

Công ty cho thuê tài chính thực hiện hoạt động ngoại hối theo giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp.

20. Đồng tiền sử dụng trong các giao dịch cho thuê tài chính:

20.1. Công ty cho thuê tài chính thực hiện các giao dịch cho thuê tài chính bằng đồng Việt Nam.

20.2. Đối với các giao dịch cho thuê tài chính thực hiện bằng ngoại tệ, Công ty cho thuê tài chính phải tuân thủ theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý ngoại hối.

21. Lãi suất và giảm tiền lãi cho thuê tài chính:

21.1. Công ty cho thuê tài chính ấn định lãi suất cho thuê tài chính trên cơ sở cung cầu vốn tín dụng, lãi suất thị trường trong nước, quốc tế và các chi phí khác có liên quan.

21.2. Giảm tiền lãi cho thuê tài chính: Công ty cho thuê tài chính thực hiện việc miễn, giảm tiền lãi cho thuê tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

22. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn đối với hoạt động cho thuê tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

23. Tỷ lệ đảm bảo an toàn: Công ty cho thuê tài chính phải duy trì các tỷ lệ đảm bảo an toàn quy định tại Điều 81 Luật các Tổ chức tín dụng và quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

24. Những trường hợp Công ty cho thuê tài chính không được cho thuê:

24.1. Công ty cho thuê tài chính không được cho thuê đối với các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của Công ty cho thuê tài chính;

b) Người thẩm định, xét duyệt cho thuê;

c) Bố, mẹ, vợ, chồng, con của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của Công ty cho thuê tài chính.

24.2. Công ty cho thuê tài chính không được chấp nhận bảo lãnh của các đối tượng quy định tại điểm 24.1 Mục này để làm cơ sở cho thuê đối với khách hàng.

25. Hạn chế cho thuê:

25.1. Công ty cho thuê tài chính không được cho thuê với những điều kiện ưu đãi cho các đối tượng sau:

a) Tổ chức kiểm toán, Kiểm toán viên hiện đang kiểm toán tại Công ty cho thuê tài chính; Kế toán trưởng; Thanh tra viên;

b) Các cổ đông lớn của Công ty cho thuê tài chính;

c) Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại điểm 24.1 Mục này sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

25.2. Tổng dư nợ cho thuê đối với các đối tượng quy định tại điểm 25.1 Mục này không được vượt quá 5% vốn tự có của Công ty cho thuê tài chính.

26. Công ty cho thuê tài chính được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại được phép hoạt động tại Việt Nam. Trường hợp cần mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài phải được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

27. Hợp đồng cho thuê tài chính:

27.1. Hợp đồng cho thuê tài chính phải được lập thành văn bản phù hợp với các quy định pháp luật, các Nghị định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính.

27.2. Hợp đồng cho thuê tài chính có hiệu lực từ ngày được các bên thoả thuận trong hợp đồng.

27.3. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn:

27.3.1. Bên cho thuê có quyền chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Bên thuê không trả tiền thuê theo quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính;
- b) Bên thuê vi phạm các điều khoản của hợp đồng cho thuê tài chính;
- c) Bên thuê bị phá sản, giải thể;

d) Người bảo lãnh của bên thuê bị phá sản, giải thể và bên cho thuê không chấp thuận đề nghị chấm dứt bảo lãnh hoặc đề nghị người bảo lãnh khác thay thế của bên thuê.

27.3.2. Bên thuê có thể chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Bên cho thuê không giao đúng hạn tài sản cho thuê do lỗi của bên cho thuê;
- b) Bên cho thuê vi phạm các điều khoản của hợp đồng cho thuê tài chính;

27.3.3. Hợp đồng cho thuê tài chính được chấm dứt trước hạn trong trường hợp tài sản cho thuê bị mất, hỏng không thể phục hồi sửa chữa.

27.3.4. Hợp đồng cho thuê tài chính được chấm dứt trước hạn trong trường hợp bên cho thuê chấp thuận để bên thuê thanh toán toàn bộ tiền thuê trước thời hạn ghi tại hợp đồng cho thuê tài chính.

27.4. Xử lý hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt trước hạn:

27.4.1. Trong trường hợp hợp đồng cho thuê tài chính bị chấm dứt trước hạn theo một trong các trường hợp quy định tại điểm 27.3.1 nêu trên, bên thuê phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền cho thuê còn lại. Nếu bên thuê không thanh toán được tiền thuê trong thời hạn do Công ty cho thuê tài chính yêu cầu, thì Công ty cho thuê tài chính xử lý tài sản thuê như sau:

a) Công ty cho thuê tài chính có quyền thu hồi ngay lập tức tài sản cho thuê mà không chờ có phán quyết của Tòa án và yêu cầu bên thuê phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền thuê chưa trả theo hợp đồng. Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở, chiếm giữ, sử dụng tài sản thuê và không hoàn trả lại tài sản cho thuê cho bên cho thuê;

b) Sau khi thu hồi tài sản cho thuê, trong thời gian tối đa là 60 (sáu mươi) ngày, bên cho thuê phải xử lý xong tài sản cho thuê. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cho thuê dùng để thanh toán khoản tiền còn thiếu của bên thuê và các chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi tài sản cho thuê. Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán, bên thuê có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu đó cho bên cho thuê;

c) Trường hợp bên thuê đã hoàn trả một phần số tiền thuê phải trả và Công ty cho thuê tài chính đã xử lý xong tài sản cho thuê, nếu số tiền thu được vượt quá số tiền thuê phải trả theo hợp đồng và các chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi tài sản cho thuê thì Công ty cho thuê tài chính phải hoàn trả cho bên thuê số tiền vượt.

d) Trong thời gian bên cho thuê xử lý tài sản thuê, nếu bên thuê hoàn trả được toàn bộ số tiền thuê phải trả theo hợp đồng và các chi phí xử lý tài sản phát sinh thì bên cho thuê chuyển quyền sở hữu tài sản thuê cho bên thuê như trường hợp đã hoàn thành hợp đồng thuê;

e) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bên thuê nhận được yêu cầu thu hồi tài sản cho thuê của bên cho thuê, bên thuê phải có trách nhiệm hoàn trả tài sản cho bên cho thuê.

27.4.2. Trong trường hợp hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt trước hạn theo điểm 27.3.2 nêu trên, bên cho thuê phải bồi thường thiệt hại cho bên thuê.

27.4.3. Trong trường hợp hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt trước hạn theo điểm 27.3.3 nêu trên, bên cho thuê phải hoàn trả lại cho bên thuê số tiền bảo hiểm tài sản khi bên thuê đã trả đủ số tiền thuê phải trả cho bên cho thuê và khi bên cho thuê đã nhận được tiền bảo hiểm do cơ quan bảo hiểm thanh toán.

27.4.4. Quyền sở hữu của bên cho thuê đối với tài sản cho thuê trong suốt thời hạn cho thuê không bị ảnh hưởng trong trường hợp bên thuê phá sản, giải thể, mất khả năng thanh toán. Tài sản cho thuê không được coi là tài sản của bên thuê khi xử lý tài sản của bên thuê để trả nợ cho các chủ nợ khác.

Mục V

TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN VÀ BÁO CÁO

28. Tài chính:

28.1. Năm tài chính của Công ty cho thuê tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày khai trương hoạt động và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

28.2. Thu, chi tài chính của Công ty cho thuê tài chính được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ tài chính của các tổ chức tín dụng.

29. Hạch toán: Việc hạch toán kế toán của Công ty cho thuê tài chính phải tuân thủ theo đúng các quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng và chế độ hạch toán kế toán do Ngân hàng Nhà nước ban hành.

30. Trích lập và sử dụng các quỹ:

30.1. Lợi nhuận thực hiện trong năm tài chính của Công ty cho thuê tài chính là kết quả kinh doanh của Công ty sau khi đã nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật;

30.2. Việc trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty cho thuê tài chính được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng;

30.3. Công ty cho thuê tài chính không được dùng các quỹ quy định tại điểm 30.2 nêu trên để trả lợi tức hoặc phân phối cho các chủ sở hữu dưới bất cứ hình thức nào, trừ trường hợp Công ty cho thuê tài chính giải thể và thanh lý (trong trường hợp này phải ưu tiên thanh toán cho các chủ nợ trước khi phân phối cho các chủ sở hữu).

31. Trích lập dự phòng:

Công ty cho thuê tài chính thực hiện việc trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

32. Việc chuyển lợi nhuận và số tài sản sau khi thanh lý hoặc kết thúc hoạt động ra nước ngoài của các bên nước ngoài trong Công ty cho thuê tài chính liên doanh, Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và pháp luật hiện hành.

33. Chế độ thông tin báo cáo:

33.1. Công ty cho thuê tài chính thực hiện chế độ thông tin báo cáo, thống kê theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. Các báo cáo của Công ty cho thuê tài chính phải được thể hiện bằng tiếng Việt và bằng Đồng Việt Nam.

33.2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cho thuê tài chính phải có báo cáo bằng văn bản đánh giá về tình hình tổ chức, hoạt động và dự kiến kế hoạch kinh doanh gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng phi ngân hàng).

34. Kiểm toán:

34.1. Chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước khi kết thúc năm tài chính, Công ty cho thuê tài chính phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán các hoạt động của mình. Việc chọn tổ chức kiểm toán độc lập được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

34.2. Trong thời hạn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cho thuê tài chính phải gửi 02 (hai) bản báo cáo tài chính đã được kiểm toán đến Ngân hàng Nhà nước (Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và Vụ các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng phi ngân hàng) và phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

34.3. Trong thời hạn 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cho thuê tài chính liên doanh, Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài phải gửi báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng nước ngoài góp vốn cho Ngân hàng Nhà nước.

Mục VI

THANH TRA, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, GIẢI THỂ, THANH LÝ, PHÁ SẢN

35. Thanh tra:

35.1. Công ty cho thuê tài chính phải chịu sự thanh tra của Ngân hàng Nhà nước.

35.2. Việc thanh tra của Ngân hàng Nhà nước đối với hoạt động của Công ty cho thuê tài chính được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật về thanh tra tổ chức tín dụng.

35.3. Thanh tra, giám sát của bên nước ngoài: Tổ chức tín dụng nước ngoài góp vốn của Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam được thanh tra, kiểm toán nội bộ hoạt động của Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Trước khi thanh tra, kiểm toán nội bộ, tổ chức tín dụng nước ngoài phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước về nội dung, thời gian dự kiến bắt đầu và kết thúc đợt thanh tra, kiểm toán. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt thanh tra, kiểm toán, tổ chức tín dụng nước ngoài phải gửi báo cáo bằng văn bản kết quả thanh tra, kiểm toán cho Ngân hàng Nhà nước.

36. Việc kiểm soát đặc biệt, phá sản, giải thể, thanh lý đối với Công ty cho thuê tài chính được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật hiện hành.

37. Việc khen thưởng và xử lý vi phạm đối với các hoạt động của Công ty cho thuê tài chính được thực hiện theo quy định tại Chương X Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật có liên quan.

Mục VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

38. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước:

38.1. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Tiếp nhận, xem xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập, hoạt động Công ty cho thuê tài chính cổ phần và chấp thuận đối với những thay đổi của Công ty cho thuê tài chính theo đúng trình tự và thủ tục được quy định tại Thông tư này.

38.2. Vụ các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng phi ngân hàng:

a) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập, hoạt động Công ty cho thuê tài chính và chấp thuận đối với những thay đổi của Công ty cho thuê tài chính theo đúng trình tự và thủ tục được quy định tại Thông tư này;

b) Phối hợp với các Vụ có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc xem xét việc cấp giấy phép thành lập, hoạt động Công ty cho thuê tài chính và chấp thuận đối với những đề nghị thay đổi của công ty cho thuê tài chính.

c) Nghiên cứu trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành các quy định sau:

- Quy định hướng dẫn thực hiện hoạt động cho thuê vận hành.
- Quy định hướng dẫn thực hiện hoạt động mua và cho thuê lại theo hình thức cho thuê tài chính.
- Quy định hướng dẫn thực hiện hoạt động bán các khoản phải thu.

38.3. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước:

a) Phối hợp và cung cấp cho Vụ các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng phi ngân hàng các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty cho thuê tài chính, đề xuất các vấn đề liên quan đến việc cấp giấy phép thành lập, hoạt động của Công ty cho thuê tài chính và các vấn đề có liên quan đến bổ sung nghiệp vụ và những thay đổi của Công ty cho thuê tài chính.

b) Cung cấp báo cáo kết luận thanh tra, giám sát Công ty cho thuê tài chính cho Vụ các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

38.4. Vụ Chính sách tiền tệ:

Nghiên cứu trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quy định hướng dẫn thực hiện hoạt động cho thuê tài chính, hoạt động dịch vụ uỷ thác liên quan đến hoạt động cho thuê tài chính.

38.5. Vụ Tín dụng:

Nghiên cứu trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quy định hướng dẫn thực hiện hoạt động cho thuê hợp vốn, hoạt động bảo lãnh liên quan cho thuê tài chính.

38.6. Vụ Kế toán tài chính:

Hướng dẫn hạch toán đối với các nghiệp vụ kế toán của Công ty cho thuê tài chính.

39. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành:

- Thông tư số 08/2001/TT-NHNN ngày 06/09/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về "Hướng dẫn thực hiện Nghị định 16/2001/NĐ-CP ngày 02/05/2001 của Chính Phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính";

- Thông tư số 07/2004/TT-NHNN ngày 01/11/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về "Sửa đổi điểm 17.2 Thông tư 08/2001/TT-NHNN ngày 06/09/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Nghị định 16/2001/NĐ-CP ngày 02/05/2001 của Chính Phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính";

40. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các Công ty cho thuê tài chính trong phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Thông tư này.

KT. THỐNG ĐỐC

Phó thống đốc

Đã ký: Đặng Thanh Bình

Phụ lục 01a

(Áp dụng đối với Công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ngày?. tháng?. năm?., ?.. (tên tổ chức tín dụng) đề nghị Ngân hàng Nhà nước xét cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho Công ty cho thuê tài chính:

1. Tên công ty cho thuê tài chính:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Tên viết tắt:
 - Tên bằng tiếng Anh: Tên viết tắt:
2. Trụ sở chính tại: (Địa chỉ trụ sở chính)
 - Số điện thoại, số fax? (nếu có)
3. Địa bàn hoạt động:
4. Thời gian hoạt động:
5. Nội dung và phạm vi hoạt động:
6. Vốn điều lệ: (dự kiến)
 - Bằng tiền mặt:
 - Bằng tài sản khác: (nếu có)
7. Cơ cấu dự kiến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) (ghi rõ tên, năm sinh, quốc tịch của các thành viên).
8. Chúng tôi xin cam kết:
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Đơn xin và hồ sơ kèm theo.
 - b) Sau khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, sẽ thực hiện đầy đủ các quy định trước khi tiến hành khai trương hoạt động.
 - c) Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và các quy định của Ngân hàng Nhà nước, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hồ sơ kèm theo gồm:

?., ngày?tháng?năm?..
TM/TỔ CHỨC TÍN DỤNG
(Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được
Chủ tịch hội đồng quản trị uỷ quyền ký)

Phụ lục 01b

(Áp dụng đối với Công ty cho thuê tài chính cổ phần)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tại đại hội đồng cổ đông ngày?. tháng?.. năm?.. đã thông qua điều lệ và bầu Hội đồng quản trị của Công ty cho thuê tài chính có tên là:

??

Nay Hội đồng quản trị thay mặt cho cổ đông đề nghị Ngân hàng Nhà nước xét cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho Công ty cho thuê tài chính :

1. Tên công ty cho thuê tài chính:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

Tên viết tắt:

- Tên bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt:

2. Trụ sở chính tại: (Địa chỉ trụ sở chính)

- Số điện thoại, số fax?

3. Địa bàn hoạt động:

4. Thời gian hoạt động:

5. Nội dung và phạm vi hoạt động:

6. Vốn điều lệ: (dự kiến)

- Bằng tiền mặt:

- Bằng tài sản khác: (nếu có)

7. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).

8. Chúng tôi xin cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Đơn xin và hồ sơ kèm theo.

b) Sau khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, sẽ thực hiện đầy đủ các quy định trước khi tiến hành khai trương hoạt động.

c) Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và các quy định của Ngân hàng Nhà nước, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

?. , ngày?tháng?năm?..

Hồ sơ kèm theo gồm:

TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phụ lục 01c

(Áp dụng đối với Công ty cho thuê tài chính liên doanh, Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Các bên tham gia thành lập Công ty cho thuê tài chính gửi tới Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đơn xin được thành lập Công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam.

A. Các bên tham gia thành lập: (Ghi cụ thể cho từng đối tác)

1. Tên đầy đủ và tên viết tắt.
2. Địa điểm đặt trụ sở chính, địa chỉ giao dịch, số điện thoại, số fax?
3. Vốn điều lệ.
4. Ngày thành lập, ngày cấp đăng ký kinh doanh.
5. Cơ quan cấp giấy phép hoạt động, số và ngày của giấy phép.
6. Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, số và ngày của giấy đăng ký kinh doanh.

B. Công ty cho thuê tài chính thành lập tại Việt Nam:

1. Tên đầy đủ và tên viết tắt (Bằng tiếng Việt, tiếng Anh).
2. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính và số điện thoại, số fax (nếu có).
3. Số vốn điều lệ dự kiến (trong đó: vốn bằng đồng Việt Nam, vốn bằng ngoại tệ, vốn bằng tài sản) và tỷ lệ góp vốn của các bên.
4. Thời gian hoạt động.
5. Phạm vi và nội dung hoạt động.
6. Cơ cấu dự kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).
7. Dự kiến số lượng cán bộ, nhân viên (trong đó: số người mang quốc tịch Việt Nam, số người mang quốc tịch nước ngoài).
8. Chúng tôi xin cam kết:
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Đơn xin và hồ sơ kèm theo.
 - b) Sau khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, sẽ thực hiện đầy đủ các quy định trước khi tiến hành khai trương hoạt động.
 - c) Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và các quy định của Ngân hàng Nhà nước, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

?., ngày?tháng?năm?..

Hồ sơ kèm theo gồm:

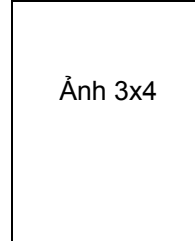
(Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của mỗi bên ký và đóng dấu)

Phụ lục 02
SƠ YẾU LÝ LỊCH

Các nội dung chính của sơ yếu lý lịch gồm:

1. Về bản thân:

- Họ và tên khai sinh:
- Họ và tên thường dùng:
- Ngày sinh:
- Nguyên quán:
- Quốc tịch gốc:
- Quốc tịch hiện nay:



- Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu, địa chỉ theo chứng minh thư nhân dân và địa chỉ cư trú hiện nay:

- Số chứng minh thư nhân dân (hoặc số hộ chiếu đối với người nước ngoài):
- Ngày, tháng, năm và nơi cấp chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài):

(Trường hợp cá nhân được cử là người đại diện quản lý số vốn cổ phần của pháp nhân phải kê khai và bổ sung tên và địa chỉ pháp nhân)

* Quá trình hoạt động bản thân:

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 16 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu;
- Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ (ghi rõ khoá học, thời gian đào tạo, cơ sở đào tạo);
- Khen thưởng;
- Kỷ luật;

* Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác, bao gồm: tổ chức kinh tế, tổ chức đoàn thể, chính trị, tổ chức tín dụng khác.

* Chức vụ đang giữ (nếu có) và chức vụ được bầu, bổ nhiệm (đang trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y) tại Công ty cho thuê tài chính.

2. Quan hệ gia đình

- Mối quan hệ gia đình: Bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), cần ghi rõ họ tên, tuổi, nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc của từng người.

3. Cam kết trước pháp luật:

- Cam kết không vi phạm các quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng phi ngân hàng, các quy định của pháp luật hiện hành khác và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về bản khai này.

4. Chữ ký (ghi đầy đủ họ tên) của người khai.

5. Xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc cơ quan có thẩm quyền (nếu cá nhân đang làm việc tại cơ quan, tổ chức là pháp nhân) hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu cá nhân không làm việc tại cơ quan, tổ chức là pháp nhân).

Phụ lục 3a

(Áp dụng đối với Công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng,
Công ty cho thuê tài chính cổ phần)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT
NAM

Số:?./GP-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày? tháng? năm?.

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/06/2003;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/06/2004;

- Căn cứ Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính; Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/05/2005 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/05/2001;

- Xét đơn và hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính?..;

- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng Phi Ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho Công ty cho thuê tài chính có tên sau đây:

1. Tên Công ty cho thuê tài chính:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên viết tắt:

- Tên giao dịch:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại, Fax?

2. Các bên góp vốn vào Công ty cho thuê tài chính và tỷ lệ góp vốn của mỗi bên:

3. Vốn điều lệ của Công ty cho thuê tài chính là:

Trong đó:

- Bằng đồng Việt Nam

- Bằng tài sản khác:

4. Thời gian hoạt động của Công ty cho thuê tài chính:

5. Nội dung hoạt động của Công ty cho thuê tài chính:

Điều 2: Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3: Giấy phép được lập thành? bản chính, Tổ chức tín dụng giữ một bản; một bản cấp cho Công ty cho thuê tài chính; một bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh; một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

THÔNG ĐỐC

Phụ lục 3b

(Áp dụng đối với Công ty cho thuê tài chính liên doanh,
Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT
NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày? tháng? năm?.

Số:?./GP-NHNN

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/06/2003;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/06/2004;

- Căn cứ Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính; Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/05/2005 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/05/2001;

- Xét đơn và hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính liên doanh (hoặc Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài) ngày?của?;

- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng Phi Ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho Công ty cho thuê tài chính có tên sau đây:

1. Tên công ty cho thuê tài chính:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên viết tắt:

- Tên giao dịch:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại, Fax?

2. Các bên góp vốn vào Công ty cho thuê tài chính và tỷ lệ góp vốn của mỗi bên:

3. Vốn điều lệ của Công ty cho thuê tài chính liên doanh (hoặc Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài) là:

Trong đó:

- Bảng ngoại tệ:
- Bảng tài sản khác:
- 4. Thời gian hoạt động của Công ty cho thuê tài chính:
- 5. Nội dung hoạt động của Công ty cho thuê tài chính:
 - ??..
 - Hoạt động ngoại hối:

Điều 2: Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3: Giấy phép được lập thành 3 bản chính, các bên góp vốn giữ một bản; một bản cấp cho Công ty cho thuê tài chính; một bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh; một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

THÔNG ĐỌC